TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HC-PT
Ngày 17/01/2025.
V/v khiếu kiện yêu cầu huỷ quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**
Các Thẩm phán: ông **Trương Công Thi**
ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: bà **Lữ Thị Hằng**, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông **Quách Hoà Bình**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 291/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Khiếu kiện yêu cầu huỷ quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2534/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V, ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Diệu H1.

Cùng trú tại: tổ dân phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Ông Q, ông H, bà H1 vắng mặt, ông V có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Q, *ông* Huỳnh Văn H, *bà* Huỳnh Thị Diệu H1*:* ông Huỳnh Văn V; địa chỉ: tổ dân phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (văn bản uỷ quyền ngày 08/8/2023). Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai; địa chỉ trụ sở: số G đường H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Trần Minh T; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (văn bản uỷ quyền ngày 11/12/2023). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: tổ dân phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Huỳnh Văn N; địa chỉ: tổ dân phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V và ông Huỳnh Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V, ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Diệu H1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Năm 1982, cha các ông, bà là ông Huỳnh L được Ủy ban nhân dân huyện C cấp 1.600m^2 đất theo Quyết định cấp đất làm nhà lập vườn số 14 năm 1982 (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Năm 1985, cha các ông, bà đột ngột qua đời không để lại di chúc, di sản cha các ông, bà để lại là quyền sử dụng 1.600m^2 đất trên, trong đó có 400m^2 đất ở và nhà tạm cấp 4 xây gạch 80m^2. Quá trình sử dụng, gia đình các ông, bà có sang nhượng cho ông Nguyễn Bá C (tổ dân phố D, thị trấn C) 375m^2 đất (trong đó đất ở 100m^2, đất vườn 275m^2). Đây là phần mà toàn bộ gia đình các ông, bà đồng ý và ký vào giấy sang nhượng.

Từ thời điểm cha các ông, bà chết đến nay, gia đình chưa làm thủ tục phân chia tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật nhưng năm 2001, mẹ các ông, bà là bà Nguyễn Thị T1 đã đến Ủy ban nhân dân thị trấn C làm Đơn xin xác nhận quyền thừa kế theo quy định của pháp luật. Ngày 04/12/2002, mẹ các ông, bà làm giấy cho đất ông Huỳnh Văn N đứng tên toàn bộ tài sản do cha các ông, bà để lại chưa được sự đồng ý của các ông, bà (những người thuộc hàng kế thừa thứ nhất).

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 650 của Bộ luật Dân sự về những trường hợp thừa kế theo pháp luật thì việc cha các ông, bà mất không để lại di chúc thuộc vào trường hợp phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Theo đó, những người được nhận thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất quy định tại khoản 1 điều 651 của Bộ luật Dân sự bao gồm: Nguyễn Thị T1 (vợ) và các con: Huỳnh Văn Q, Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn V, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị Diệu H1.

Như vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C xác nhận đơn thừa kế theo pháp luật cho mẹ các ông, bà là bà Nguyễn Thị T1 được hưởng toàn bộ tài sản của cha các ông, bà (ông Huỳnh L) để lại là sai quy định của pháp luật. Ngoài ra, việc mẹ các ông, bà (bà Nguyễn Thị T1) làm giấy cho toàn bộ tài sản cho ông Huỳnh Văn N đứng tên và được quyền định đoạt có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn C và tổ dân phố D là không đúng với quy định của pháp luật. Từ việc xác nhận trên, ông Huỳnh Văn N đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 ngày 02/02/2008 cho ông N được quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản trên là không đúng theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, việc ông N được cấp Giấy chứng nhận nêu trên là không

đúng quy định của pháp luật nên các ông, bà đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C; Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, Ủy ban nhân dân thị trấn huyện C hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 ngày 02/02/2008 cấp cho ông Huỳnh Văn N.

Ủy ban nhân dân huyện C cũng đã ban hành Quyết định số 234/QĐ- UBND ngày 08/8/2019 để thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 ngày 02/02/2008 của ông N, nhưng đến ngày 03/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện C lại ban Quyết định số 982/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C nêu trên. Việc ban hành Quyết định thu hồi đối với Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho ông N là không đúng quy định, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền thừa kế của các ông, bà.

Do vậy, các ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc hủy bỏ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải bồi thường số tiền 7.000.000.000đồng.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:*

- Trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 729092 ngày 02/02/2008 cho ông Huỳnh Văn N (trú tại tổ dân phố D, thị trấn C, tỉnh Gia Lai). Tính hợp pháp về mặt nội dung của việc ban hành Quyết định: việc ban hành Quyết định số 234/QĐ-UBND của UBND huyện C về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 cấp ngày 02/02/2008 theo đơn đề nghị của gia đình ông Huỳnh Văn N là giải quyết trình tự, thủ tục theo quy định. Cụ thể: Ủy ban nhân dân huyện C nhận được đơn kiến nghị về việc cấp sai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đề ngày 20/9/2018), chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra tham mưu có kết quả tại Báo cáo số 109/BC-TTr ngày 16/10/2018 của Thanh tra huyện C. Ngày 08/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092. Như vậy, trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý ban hành Quyết định nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo tính hợp pháp về nội dung của Quyết định hành chính là đã ban hành bằng văn bản thể hiện dưới hình thức quyết định do người có thẩm quyền ban hành và có chứa đựng nội dung cụ thể là thu hồi Giấy chứng nhận cấp sai.

- Trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý để UBND huyện C ban hành Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 về việc hủy bỏ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND huyện C. Tính hợp pháp về mặt nội dung của Quyết định: theo văn bản Kiến nghị số 18/KN-VKS-KDTM ngày 29/5/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị UBND huyện xem xét ban hành

Quyết định hủy bỏ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 cấp ngày 02/02/2008. Lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 không bị mất như trình bày, được giải quyết tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 09/2014/KDTM-PT ngày 25/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân huyện C chỉ đạo các đơn vị kiểm tra và xác định: gia đình ông Huỳnh Văn N có đơn kiến nghị đề ngày 20/9/2018 và Biên bản làm việc ngày 10/6/2019 tại Phòng T đối với ông Huỳnh Văn N ghi nhận lời trình bày là không đúng, không trung thực (quá trình sử dụng đất và cất giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay giấy tờ đã thất lạc (mất) tôi đã tìm nhiều lần nhưng không thấy. Tôi không có vay thế chấp tại các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Gia Lai và thế chấp ở bên ngoài (cầm cố)). Vì trên thực tế Giấy chứng nhận đã được thế chấp vay vốn tại Công ty T2 (nay là Tập đoàn C1).

Các thành viên xét thấy gia đình có hành vi gian dối, họ biết và phải biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 đã thế chấp vay vốn nhưng đã cố tình làm đơn đề nghị các cơ quan thu hồi Giấy chứng nhận là chưa đúng theo quy định. Kết quả tại Báo cáo số 109/BC-TTr ngày 16/10/2018 và đề nghị Uỷ ban nhân dân huyện thu hồi Giấy chứng nhận. Sau đó, Phòng T Quyết định. Căn cứ kết quả buổi làm việc ngày 07/7/2023, đồng thời tại khoản 4 Điều 10 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định về hồ sơ địa chính thì không đủ cơ sở quyết định thu hồi Giấy chứng nhận. Như vậy, trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý ban hành Quyết định nêu trên của Uỷ ban nhân dân huyện là đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo tính hợp pháp về nội dung của quyết định hành chính là đã ban hành bằng văn bản thể hiện dưới hình thức Quyết định do người có thẩm quyền ban hành và có chứa đựng nội dung cụ thể là thu hồi Giấy chứng nhận cấp sai.

- Trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 ngày 02/02/2008 cho người sử dụng đất là Huỳnh Văn N: ông Huỳnh Văn N có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đơn đề ngày 04/12/2007. Được Ủy ban nhân dân thị trấn C ký xác nhận nguồn gốc sử dụng đất cha mẹ ruột cho con ruột, có Quyết định giao đất của Huỳnh K năm 1982; sử dụng ổn định, không tranh chấp; phù hợp với quy hoạch. Sau đó, cơ quan Tài nguyên và Môi trường xác nhận đủ điều kiện, trình Uỷ ban nhân dân huyện ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý Uỷ ban nhân dân huyện làm đúng quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy: Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành Luật Đất đai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N trình bày:*

Thửa đất mà ông được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 ngày 02/02/2008 có nguồn gốc là tài sản của cha, mẹ ông nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông sống cùng cha, mẹ nên ông sử dụng đất này, sau đó đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Khi ông đăng ký quyền sử dụng đất thì cha ông đã chết (chết năm 1985). Năm 2008, ông có ủy quyền cho ông Phùng Quốc B và bà Lê Thị L1 để họ vay vốn giúp. Năm 2018, thì ông mới được biết là họ đã thế chấp tài sản của ông để vay tiền của Công ty T2 nhưng không giao tiền vay được cho ông mà chiếm đoạt và không có khả năng thanh toán, dẫn đến Công ty khởi kiện và Tòa án đã quyết định phát mãi tài sản này của ông để thu hồi nợ. Hiện nay, ông đang đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại bản án đó theo thủ tục giám đốc thẩm.

Sau đó, Cơ quan Thi hành án dân sự đã thực hiện kê biên tài sản của ông nhưng mà thực tế tài sản không đúng với nội dung của hợp đồng thế chấp (tài sản gắn liền với đất không đúng như mô tả trong hợp đồng thế chấp) nên hiện nay tài sản vẫn chưa được phát mãi. Toàn bộ tài sản hiện nay đang do ông Q, ông H, ông V, bà Diệu H1 quản lý và mỗi người đều xây nhà riêng trên đất.

Do ông Phùng Quốc B và bà Lê Thị L1 đã thế chấp thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 ngày 02/02/2008 cho Công ty T2 nên ông cho rằng Công ty T2 đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 ngày 02/02/2008.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 25/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tố tụng Hành chính; điểm đ khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai; Điều 32 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Q; ông Huỳnh Văn V; ông Huỳnh Văn H; bà Huỳnh Thị Diệu H1 về hủy Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C "về việc hủy bỏ quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2024, người khởi kiện ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V và ông Huỳnh Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Diệu H1 là ông Huỳnh Văn V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V và ông Huỳnh Văn H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1, ông Huỳnh Văn N đều vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải bồi thường số tiền 7.000.000.000đồng. Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện này là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 173 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V và ông Huỳnh Văn H với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Mặc dù các ông Huỳnh Văn Q, Huỳnh Văn V, Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Diệu H1 chỉ khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc huỷ bỏ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C nhưng để giải quyết triệt để vụ án, Toà án vẫn sẽ xem xét tính hợp pháp của các quyết định khác có liên quan trong vụ án hành chính gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 ngày 02/02/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Huỳnh Văn N và Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/02/2008 cho ông Huỳnh Văn N trú tại tổ dân phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định tại Điều 6, Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính. Phía người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn N đều xác nhận cụ Huỳnh L và cụ Nguyễn Thị T1 là vợ chồng, đồng thời là cha, mẹ đẻ của các ông, bà. Tại Quyết định số 14/QĐ-UB năm 1982 "về việc cấp đất lập vườn cho gia đình cán bộ, quân nhân và nhân dân", Ủy

ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã cấp cho cụ Huỳnh L được quyền sử dụng 1.500m^2 đất. Mặc dù thửa đất được cấp theo Quyết định số 14 nêu trên chỉ ghi tên một mình cụ Huỳnh L nhưng đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của cụ L và cụ T1 nên là tài sản chung của hai cụ. Thửa đất này cũng chính là nguồn gốc của thửa đất số 67, tờ bản đồ số 73, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/02/2008 cho ông Huỳnh Văn N. Cụ L chết năm 1985, không để lại di chúc nên 1/2 quyền sử dụng thửa đất nêu trên là di sản của L để lại. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L bao gồm: cụ T1, ông Q, ông V, ông H, bà H1, ông N.

[2.2] Năm 2001, cụ T1 lập "Đơn xin xác nhận quyền thừa kế theo pháp luật" đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 73 rồi tặng cho ông Huỳnh Văn N. Ông N được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092. Xét cụ T1 không phải là chủ sử dụng duy nhất và không có đủ điều kiện để thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 67 nêu trên nhưng Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn N là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông Huỳnh Văn Q, Huỳnh Văn V, Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Diệu H1. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Huỳnh Văn N đã dùng tài sản này để thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại Công ty T2 (nay là Tập đoàn C1) vào năm 2010 và được xác định tài sản thuộc trường hợp người có quyền thi hành án được yêu cầu phát mãi để thu hồi nợ theo quyết định của Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 09/2014/KDTM-PT 25/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[2.3] Ngày 20/9/2018, ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V, ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Diệu H1 có đơn kiến nghị đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Huỳnh Văn N. Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 10/6/2019 tại phòng T huyện C, ông Huỳnh Văn N trình bày rằng: quá trình sử dụng đất và cất giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông N đã thất lạc; ông N còn khẳng định ông không vay nợ tại các ngân hàng và cũng không thế chấp nhà, đất nói trên. Trên cơ sở lời khai của ông Huỳnh Văn N, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 do UBND huyện C cấp ngày 02/02/2008 cho ông Huỳnh Văn N trú tại TDP D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, trên thực tế, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 729092 không bị mất như trình bày của ông Huỳnh Văn N mà đã được ông Huỳnh Văn N dùng làm tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay và đã được giải quyết tại Bản án kinh doanh thương mại có hiệu lực pháp luật. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 là trái quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án theo

Quyết định của Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 09/2014/KDTM-PT 25/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Mặt khác, Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C cũng yêu cầu ông Huỳnh Văn N phải giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thu hồi cho chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C để chỉnh lý và lưu trữ theo quy định nhưng ông Huỳnh Văn N không giao nộp. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 để hủy bỏ Quyết định số 234 nêu trên là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V, ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị Diệu H1 về việc hủy Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V, ông Huỳnh Văn H như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V và ông Huỳnh Văn H phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V, ông Huỳnh Văn H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2024/HC-ST ngày 25/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V, ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Diệu H1 về hủy Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc hủy bỏ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C.

2. Về án phí: ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn V và ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000126 ngày 11/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Thị Kim Liên